PHIẾU SỐ 3

1. Chọn các từ ngữ đồng nghĩa với từ ngữ đã cho.

Hòa đồng

- thân thiện
- gần gũi
- khó gần
- cởi mở

Chăm chỉ

- siêng năng
- cần cù
- cẩn thận
- uể oải

Xinh đẹp

- xuất sắc
- thanh tú
- kiều diễm
- duyên dáng

Cân đối

- thon gọn
- gầy gò
- đầy đặn
- mảnh khảnh

LIVEWORKSHEETS

2. Sắp xếp các từ vào nhóm thích hợp.

(Kéo thả các quả táo vào rổ)

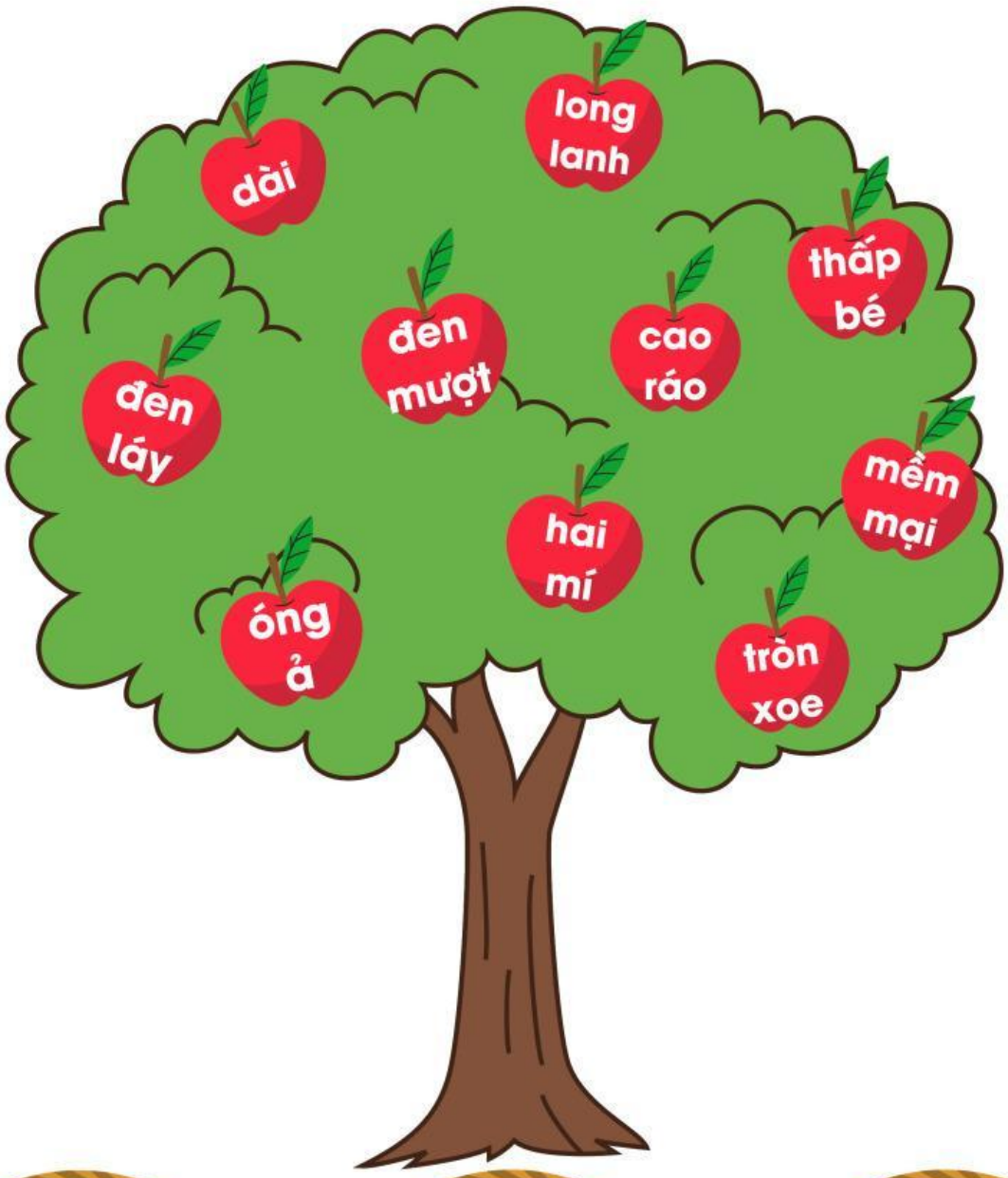



LIVEWORKSHEETS



3. Điền các từ sau vào ô trống sao cho phù hợp.

Tuy nhiên	Bên cạnh đó	Nhưng
Vì vậy	Mặc dù	Bởi vì

Mẹ em rất chăm chỉ và luôn quan tâm đến gia đình. _____ , mẹ còn giúp em học bài mỗi tối. _____ mẹ rất nghiêm khắc nhưng khi em mắc lỗi, mẹ vẫn nhẹ nhàng nhắc nhở chứ không la mắng. _____ , em luôn cố gắng học tập thật tốt để làm mẹ vui lòng.

LIVEWORKSHEETS

4. Sắp xếp các ý sau theo thứ tự phù hợp.

Tả ngoại hình của mẹ

Tả tính cách của mẹ

Tả việc làm hằng ngày của mẹ

Giúp em học bài, nhắc nhở em học tập.

Nấu ăn, dọn dẹp, chăm sóc gia đình.

Mẹ em có dáng người (cao/thấp, gầy/cân đối).

Khuôn mặt hiền hậu, dễ nhìn.

Mái tóc (dài/ngắn, đen, mượt mà).

Mẹ hiền lành, yêu thương em.

Chăm chỉ, chịu khó làm việc.

Đôi mắt dịu dàng, nụ cười ấm áp.

LIVEWORKSHEETS